

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số: 1125/QĐ-ĐHSPHN2 ngày 12 tháng 6 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2)

Tên chương trình:

Tiếng Việt: Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Giáo dục thể chất

Tiếng Anh: Theory and Teaching Methodology of Physical Education

Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

Ngành đào tạo: Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Giáo dục Thể chất

Mã ngành: 8140111

Định hướng đào tạo: Định hướng ứng dụng

Loại hình đào tạo: Chính quy

Thời gian đào tạo chuẩn: 02 năm

Vị trí việc làm: Làm giảng viên GDTC các trường đại học, cao đẳng, trung cấp; làm nghiên cứu viên các viện, trung tâm nghiên cứu; làm giáo viên GDTC ở các trường phổ thông, trung tâm giáo dục thường xuyên; làm chuyên viên, nghiên cứu viên tại các cơ sở nghiên cứu giáo dục, giáo dục chuyên nghiệp; cán bộ chuyên trách ở các cơ quan, đơn vị.
Khả năng học tập nâng cao trình độ: có thể tiếp tục học tập ở bậc tiến sĩ Khoa học giáo dục và các chuyên ngành gần.

Thời điểm xây dựng CTĐT: Tháng 6/2024.

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo trình độ thạc sĩ Giáo dục học theo định hướng nghiên cứu để học viên có kiến thức nền tảng và kỹ năng chuyên sâu; khả năng làm việc độc lập và sáng tạo; có tư duy phản biện, năng lực hợp tác; phát hiện và giải quyết vấn đề, triển khai hiệu quả hoạt động nghiên cứu, giảng dạy trong lĩnh vực lý luận và phương pháp dạy học bộ môn giáo dục thể chất.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Mã	Mô tả
PO1	Có kiến thức nền tảng, sâu rộng trong lĩnh vực giáo dục thể chất;
PO2	Có kỹ năng chuyên sâu trong lĩnh vực giáo dục thể chất;
PO3	Có khả năng làm việc độc lập và sáng tạo;
PO4	Có tư duy phản biện trong nghiên cứu và dạy học;
PO5	Có năng lực hợp tác;

PO6	Có năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề trong lĩnh vực nghiên cứu, quản lí, dạy học ở giáo dục thể chất;
PO7	Có năng lực triển khai hiệu quả hoạt động nghiên cứu trong lĩnh vực giáo dục thể chất.

2. Chuẩn đầu ra

2.1. Nội dung chuẩn đầu ra

Mã	Mô tả	Chỉ số thực hiện
(1) Phẩm chất công dân		
PLO1	Mẫu mực trong rèn luyện các phẩm chất căn cốt của con người Việt Nam trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế	PI1.1. Thể hiện ý thức trách nhiệm với bản thân và cộng đồng PI1.2. Đóng góp tích cực vào giữ gìn các nguyên tắc chung của cộng đồng PI1.3. Độc lập và sáng tạo trong khám phá, đề xuất ý tưởng/ cách tiếp cận/ công nghệ mới PI1.4. Thể hiện tinh thần hợp tác, cầu thị và cầu tiến
(2) Phẩm chất nghề nghiệp		
PLO2	Thể hiện được tư duy, thể giới quan, phương pháp luận triết học duy vật biện chứng và duy vật lịch sử trong nhận thức và nghiên cứu	PI2.1. Thể hiện tư duy, thể giới quan, phương pháp luận triết học duy vật biện chứng và duy vật lịch sử vững chắc trong nhận thức và trong nghiên cứu các đối tượng thuộc lĩnh vực khoa học chuyên ngành PI2.1. Luận giải được đường lối cách mạng Việt Nam trên cơ sở lý luận triết học duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, đặc biệt là đường lối cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đổi mới
(3) Năng lực chung		
PLO3	Giao tiếp độc lập, tự tin bằng ngoại ngữ trong môi trường học thuật, công việc và xã hội	PI3.1. Đạt trình độ năng lực ngoại ngữ tương đương Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam
(4) Năng lực nghề		
PLO4	Khai thác hiệu quả và sáng tạo các ứng dụng công nghệ trong nghiên cứu khoa học về giáo dục thể chất	PI4.1. Khai thác hiệu quả và sáng tạo các ứng dụng công nghệ trong hoạt động nghiên cứu về giáo dục thể chất PI4.2. Khai thác hiệu quả và sáng tạo các ứng dụng công nghệ trong quản lý hoạt

		động nghiên cứu khoa học về giáo dục thể chất
PLO5	Vận dụng được kiến thức sâu, rộng, tiên tiến thuộc chuyên ngành giáo dục thể chất và kiến thức cơ sở của các khoa học liên quan vào hoạt động nghiên cứu ứng dụng về giáo dục thể chất	PI5.1. Vận dụng được kiến thức sâu, rộng, tiên tiến thuộc chuyên ngành giáo dục thể chất để giải quyết vấn đề nghiên cứu ứng dụng về giáo dục thể chất PI5.2. Phối hợp hợp lý giữa kiến thức chuyên ngành giáo dục thể chất và kiến thức của các khoa học liên quan để giải quyết vấn đề nghiên cứu ứng dụng về giáo dục thể chất
PLO6	Thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học ứng dụng về giáo dục thể chất	PI6.1. Đề xuất được vấn đề nghiên cứu trên cơ sở những thành tựu, tiến bộ và xu hướng phát triển khoa học và công nghệ liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu khoa học ứng dụng về giáo dục thể chất PI6.2. Xây dựng được kế hoạch triển khai hoạt động nghiên cứu khoa học ứng dụng trong giáo dục thể chất PI6.3. Vận dụng thành thạo các lý thuyết và phương pháp nghiên cứu khoa học để giải quyết vấn đề nghiên cứu khoa học ứng dụng về giáo dục thể chất
PLO7	Phổ biến được kết quả nghiên cứu về giáo dục thể chất trong cộng đồng học thuật	PI7.1. Xây dựng được báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học về giáo dục thể chất của bản thân PI7.2. Trình bày được kết quả nghiên cứu về giáo dục thể chất trước hội đồng khoa học/nhóm học thuật
PLO8	Quản lý được việc thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc lĩnh vực giáo dục thể chất	PI8.1. Triển khai được cho các nhóm nghiên cứu thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học ứng dụng trong giáo dục thể chất PI8.2. Tổ chức được các hoạt động sinh hoạt học thuật chuyên ngành giáo dục thể chất PI8.3. Đánh giá được kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc lĩnh vực giáo dục thể chất

2.2. Ma trận Chuẩn đầu ra - Mục tiêu

Chuẩn đầu ra		Mục tiêu chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ (định hướng ứng dụng)							Tổng
		Đào tạo trình độ thạc sĩ để học viên							
		Kiến thức nền tảng	Kỹ năng chuyên sâu	Khả năng làm việc độc lập và sáng tạo	Tư duy phản biện	Năng lực hợp tác	Năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề	Triển khai hiệu quả hoạt động nghiên cứu	
PLO1	PI1.1.			x		x			2
	PI1.2.					x			1
	PI1.3.			x					1
	PI1.4.					x			1
PLO2	PI2.1.	x			x				2
	PI2.2.	x			x				2
PLO3	PI3.1.					x			1
PLO4	PI4.1.		x	x				x	3
	PI4.2.							x	1
PLO5	PI5.1.	x						x	2
	PI5.2.	x						x	2
PLO6	PI6.1.						x		1
	PI6.2.		x	x			x	x	4
	PI6.3.		x	x			x	x	4
PLO7	PI7.1.		x					x	2
	PI7.2.		x					x	2
PLO8	PI8.1.				x	x	x	x	4
	PI8.2.		x			x		x	3
	PI8.3.		x					x	2
Tổng		4	7	5	3	6	4	11	40

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa

TT	Các khối kiến thức	Số tín chỉ
I	Kiến thức chung	11
I.1	Bắt buộc	4
I.2	Tự chọn	7/21

II	Kiến thức cơ sở ngành	14
II.1	Bắt buộc	6
II.2	Tự chọn	8/18
III	Kiến thức chuyên ngành	20
III.1	Bắt buộc	12
III.2	Tự chọn	8/12
IV	Thực tập	6
V	Đồ án/Dự án tốt nghiệp	9
	TỔNG	60

4. Chuẩn đầu vào

4.1. Chuẩn đầu vào

Tốt nghiệp đại học các ngành Giáo dục thể chất hoặc ngành gần với ngành đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Giáo dục thể chất; có trình độ ngoại ngữ bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương.

4.2. Danh mục ngành phù hợp

Cử nhân Giáo dục thể chất; cử nhân Sư phạm Thể dục thể thao - Giáo dục quốc phòng; cử nhân Giáo dục thể chất - Giáo dục quốc phòng.

4.3. Danh mục ngành phải học bổ sung kiến thức

Cử nhân Huấn luyện thể thao; cử nhân Quản lý thể dục thể thao; cử nhân Kinh tế thể thao; cử nhân Y sinh học thể dục thể thao. Học bổ sung các học phần: Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm (2 TC); Lý luận dạy học và lý luận giáo dục ở trường phổ thông (2 TC); Phát triển chương trình và kiểm tra đánh giá trong GDTC (2 TC); Phương pháp GDTC trường học (3 TC)

Lưu ý: Cử nhân các ngành đào tạo có các học phần trên (từ 02 tín chỉ trở lên) thì miễn bổ sung kiến thức.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

5.1. Quy trình đào tạo

Chương trình đào tạo thực hiện theo phương thức tín chỉ, được tổ chức theo từng năm học và học kỳ. Cụ thể, người học:

- Đăng ký kế hoạch học tập trước khi bắt đầu mỗi học kỳ, khối lượng tín chỉ tối đa và tối thiểu được phép đăng ký trong mỗi học kỳ tuân thủ Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành của Trường ĐHSPT Hà Nội 2.
- Hoàn thành các học phần theo yêu cầu của chương trình đào tạo.
- Hoàn thành việc thực tập với khối lượng 06 tín chỉ.
- Hoàn thành 01 Đồ án/Dự án nghiên cứu trong thời gian ít nhất 03 tháng.

5.2. Điều kiện tốt nghiệp

Người học được công nhận tốt nghiệp khi:

a) Đã hoàn thành các học phần của chương trình đào tạo và bảo vệ Đồ án/Dự án đạt yêu cầu;

b) Có trình độ ngoại ngữ đạt yêu cầu theo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo trước thời điểm xét tốt nghiệp; được minh chứng bằng một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành khác mà chương trình được thực hiện hoàn toàn bằng ngôn ngữ nước ngoài;

c) Hoàn thành các trách nhiệm theo quy định của Trường;

d) Không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và không trong thời gian bị kỷ luật, đình chỉ học tập.

6. Cách thức đánh giá

6.1. Chiến lược đánh giá

Hoạt động đánh giá được thiết kế theo tiếp cận năng lực, kết hợp hợp lý giữa đánh giá kết quả học tập, đánh giá vì học tập và đánh giá như học tập, nhằm:

- Phản ánh chính xác, công bằng, minh bạch năng lực của người học theo mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra, qua đó xác thực hiệu quả của chương trình đào tạo.

- Hỗ trợ và thúc đẩy cải thiện việc học tập của người học, cải tiến phương pháp giảng dạy của giảng viên và nâng cao chất lượng chương trình đào tạo.

6.2. Đánh giá kết quả học tập

Đánh giá kết quả học tập tuân thủ Quy định Tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành của Trường ĐHSP Hà Nội 2. Cụ thể:

6.2.1. Đánh giá học phần

Kết quả học tập học phần được đánh giá qua các hình thức phù hợp để đo lường mức độ đạt được chuẩn đầu ra của học phần, được thể hiện bởi một điểm học phần. Điểm học phần được tính từ tổng điểm thành phần nhân với trọng số tương ứng. Các điểm thành phần được đánh giá theo thang điểm 10. Số lượng điểm thành phần, hình thức đánh giá và trọng số mỗi điểm thành phần thể hiện rõ trong đề cương chi tiết của học phần.

Kết quả học tập học phần chỉ được xếp loại đạt khi điểm học phần từ 5,5 trở lên theo thang điểm 10.

6.2.2. Đánh giá sau từng học kỳ

Kết quả học tập được đánh giá sau từng học kỳ qua các chỉ tiêu sau:

1. Khối lượng kiến thức tích lũy: tính bằng tổng số tín chỉ của những học phần đã được đánh giá tính từ đầu khóa học.

2. Điểm trung bình chung tích lũy: là điểm trung bình cộng có trọng số của các điểm học phần (đã quy đổi theo thang điểm 4) mà người học đã tích lũy được, tính từ đầu khóa học cho tới thời điểm xét, với trọng số là số tín chỉ của từng học phần.

6.2.3. Đánh giá Đồ án/Dự án

Đồ án/Dự án được tổ chức đánh giá bằng hình thức bảo vệ trước hội đồng đánh giá Đồ án/Dự án. Điểm Đồ án/Dự án là trung bình cộng điểm chấm của các thành viên hội đồng có mặt trong buổi đánh giá Đồ án/Dự án theo thang điểm 10; Đồ án/Dự án được xếp loại Đạt khi điểm Đồ án/Dự án lớn hơn hoặc bằng 5,5 điểm.

7. Nội dung chương trình

7.1. Khung chương trình

TT	Học phần	Mã số	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ						Học phần học trước(1)/Tiên quyết(2)/Song hành(3)
				Lên lớp			Thực tập, thực tế	Tự học, Tự nghiên cứu		
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành				
I. Khối kiến thức chung			11							
I.1. Bắt buộc			4							
1	Triết học	PHI 502	4	42	36			122		
I.2. Tự chọn			11							
I.2.1. Nhóm 1: Ngoại ngữ (chọn 1 trong 2 ngoại ngữ sau)			7							
Tiếng Anh			7							
2	Tiếng Anh B2.1	ENG 101	4	30	60			110		
3	Tiếng Anh B2.2	ENG 102	3	30	30			90	(1) ENG 101	
Tiếng Trung Quốc										
4	Tiếng Trung Quốc 1	CHI 101	4	30	60			110	(1) CHI 101	
5	Tiếng Trung Quốc 2	CHI 102	3	30	30			90	(1) CHI 102	
I.2.2. Nhóm 2 (Dành cho lưu học sinh)			7							

6	Tiếng Việt nâng cao	VIE 104	4	45	60			95	
7	Lịch sử, địa lí, văn hóa Việt Nam	VIE 105	3	30	30			90	
II. Khối kiến thức cơ sở ngành			14						
II.1. Bắt buộc			6						
8	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học Thể dục Thể thao	TPE 201	2	15	30			55	
9	Xây dựng và phát triển chương trình Giáo dục thể chất	TPE 202	2	15	30			55	
10	Hoạt động thực hành và trải nghiệm thực tế tại nhà trường	TPE 203	2				10 0		
II.2. Tự chọn (chọn 4 trong số 9 học phần)			8						
11	Chương trình, phương pháp và kĩ năng dạy học hiện đại	TPE 204	2	15	30			55	
12	Kiểm tra đánh giá trong Giáo dục thể chất	TPE 205	2	15	30			55	
13	Hồi phục Thể dục thể thao	TPE 206	2	15	15	15		55	
14	Tâm lý học Thể dục thể thao	TPE 207	2	15	30			55	
15	Xã hội học Thể dục thể thao	TPE 208	2	15	30			55	
16	Kinh tế học Thể dục thể thao	TPE 209	2	15	30			55	
17	Quản lý học Thể dục thể thao	TPE 210	2	15	30			55	
18	Tiếp cận năng lực trong phát triển nghề giáo viên	TPE 211	2	15	30			55	
19	Quản lý và phát triển chương trình giáo dục	TPE 212	2	15	30			55	
III. Khối kiến thức chuyên ngành			20						
III.1. Bắt buộc			12						
20	Y sinh học Thể dục thể thao	TPE 301	3	30			30	90	
21	Lý luận và phương pháp Giáo dục thể chất - Thể thao trường học	TPE 302	3	30	30			90	
22	Đánh giá chất lượng Giáo dục thể chất - Thể thao trường học	TPE 303	3	30	30			90	
23	Phương pháp tổ chức hoạt động Giáo dục thể chất và Thể thao trường học từ thực tiễn trong nhà trường	TPE 304	3				150		

III.2. Tự chọn (Chọn 4 trong số 6 học phần sau)			08						
24	Học thuyết huấn luyện	TPE 305	2	15	30			55	
25	Thể thao giải trí	TPE 306	2	15	30			55	
26	Tuyển chọn tài năng thể thao	TPE 307	2	15	30			55	
27	Thể dục chữa bệnh	TPE 308	2	15	15	15		55	
28	Thể dục thể thao cho mọi người	TPE 309	2	15	30			55	
29	Đo lường Thể dục thể thao	TPE 310	2	15	30			55	
IV. Thực tập		TPE 401	6				300		
V. Đồ án/Dự án tốt nghiệp		TPE 501	9						
TỔNG CỘNG:			60						

7.2. Ma trận Học phần - Chuẩn đầu ra

Học phần	Chuẩn đầu ra																		
	PLO1				PLO2		PLO3	PLO4		PLO5		PLO6			PLO7		PLO8		
	PI 1.1	PI 1.2	PI 1.3	PI 1.4	PI 2.1	PI 2.2	PI 3.1	PI 4.1	PI 4.2	PI 5.1	PI 5.2	PI 6.1	PI 6.2	PI 6.3	PI 7.1	PI 7.2	PI 8.1	PI 8.2	PI 8.3
PHI 502	T				T	T													
ENG 101							T												
ENG 102							T												
CHI 101							T												
CHI 102							T												
VIE 104																			
VIE 105																			
TPE 201	I	U	U					T, A	T, A	I	I	T, A	T, A	T, A			T	T	T
TPE 202	I	U	U	U						T	T	I							
TPE 203		U	U	U						T	T	I					T	T	T
TPE 204	I	U	U	U						T	T	I							
TPE 205		U	U	U						T	T	I							
TPE 206	I	U	U	U						T	T	I							
TPE 207		U	U	U						T	T	I							
TPE 208	I	U	U	U						T	T	I							

TPE 209		U	U	U						T	T	I							
TPE 210	I	U	U	U						T	T	I							
TPE 211		U	U	U						T	T	I							
TPE 212	I	U	U	U					T	T	I	I							
TPE 301		U	U	U						T	T	I							
TPE 301	I	U	U	U						T	T	I							
TPE 302		U	U	U			I	I	I	U	U	I			T, A	T, A	T	T	T
TPE 303	I	U	U	U			I	I	I	U	U	I			T, A	T, A	T	T	T
TPE 304		U	U	U			I	I	I	U	U	I			T, A	T, A	T	T	T
TPE 305	I	U	U	U						T	T	I					I		
TPE 306		U	U	U						T	T	I					I		
TPE 307	I	U	U	U						T	T	I					I		
TPE 308		U	U	U						T	T	I					I		
TPE 309	I	U	U	U						T	T	I					I		
TPE 310		U	U	U						T	T	I					I		
TPE 401										T	T	I					T, A	T, A	T, A
TPE 501	T		T	T						T, A	T, A	T, A	T, A	T, A	T, A	T, A	I		

8. Mô tả tóm tắt các học phần

8.1. Triết học (4 tín chỉ)

Học phần được bố trí giảng dạy - học tập trong giai đoạn đầu của chương trình đào tạo nhằm bồi dưỡng tư duy triết học, rèn luyện thế giới quan và phương pháp luận triết học cho học viên cao học trong việc nhận thức và nghiên cứu các đối tượng thuộc lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn; Học phần còn góp phần bồi dưỡng phẩm chất chính trị cho người học và bổ trợ tri thức, hình thành nền tảng thế giới quan và phương pháp luận đúng đắn trong nghiên cứu các môn khoa học chuyên ngành.

8.2. Tiếng Anh B2.1 (4 tín chỉ)

Tiếng Anh B2.1 là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo thạc sĩ. Học phần này được thiết kế nhằm trang bị cho học viên khối kiến thức cũng như kỹ năng thực hành tiếng Anh (kỹ năng nghe, nói, đọc, viết) ở trình độ trung cấp. Bên cạnh đó, học

phần giúp học viên rèn luyện và nâng cao kỹ năng phát âm Tiếng Anh. Học phần cũng bước đầu định hướng và giúp học viên làm quen với các định dạng bài thi đánh giá năng lực ngoại ngữ nhằm tiếp cận chuẩn đầu ra tiếng Anh trong chương trình thạc sĩ.

8.3. Tiếng Anh B2.2 (3 tín chỉ)

Tiếng Anh B2.2 là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo thạc sĩ và được giảng dạy sau học phần Tiếng Anh B2.1. Học phần này tiếp tục trang bị cho học viên khối kiến thức mở rộng cũng như kỹ năng thực hành tiếng Anh (kỹ năng nghe, nói, đọc, viết) ở trình độ trung cấp. Bên cạnh phát triển các kỹ năng giao tiếp tiếng Anh, học phần giúp phát triển tư duy phản biện cho học viên thông qua các chủ đề và nhiệm vụ học tập sử dụng tiếng Anh. Học viên cũng được luyện tập, thực thành làm bài thi đánh giá năng lực ngoại ngữ nhằm tiếp cận chuẩn đầu ra Tiếng Anh trong chương trình thạc sĩ.

8.4. Tiếng Trung Quốc 1 (4 tín chỉ)

Môn Tiếng Trung Quốc 1 sử dụng giáo trình tích hợp tổng hợp (giáo trình HSK1 tiêu chuẩn), cung cấp cho người học cách đọc phiên âm, các nét cơ bản và quy tắc cơ bản của cách viết chữ Hán, biết cách viết chữ Hán đúng quy tắc đồng thời có thể giao tiếp đơn giản bằng tiếng Trung. Người học biết cách sử dụng các từ vựng giai đoạn sơ cấp và các hiện tượng ngữ pháp căn bản. Số lượng từ vựng cần nắm được là 300-500 từ theo “*Bộ tiêu chuẩn mới về giảng dạy tiếng Trung Quốc cho người nước ngoài*”.

8.5. Tiếng Trung Quốc 2 (3 tín chỉ)

Môn Tiếng Trung Quốc 2 sử dụng giáo trình tích hợp tổng hợp các kiến thức (giáo trình HSK2 tiêu chuẩn), thông qua bài khóa, hội thoại và bài tập, học viên biết giao tiếp được những chủ đề thông thường trong cuộc sống như: giới thiệu gia đình, sở thích, ngày tháng năm, nơi mình học tập sinh sống. Thông qua môn học này, người học sẽ nắm được các phần ngữ pháp trong tâm, câu đơn, câu phức, các loại bỏ ngữ... Học phần Tiếng Trung Quốc 2 là môn học tiếp nối học phần Tiếng Trung Quốc 1 giúp người học củng cố, phát triển kỹ năng và kiến thức. Số lượng từ vựng cần nắm được là 500-1272 từ theo “*Bộ tiêu chuẩn mới về giảng dạy tiếng Trung Quốc cho người nước ngoài*”.

8.6. Tiếng Việt nâng cao (4 tín chỉ)

Học phần này giúp học viên nâng cao kiến thức, kỹ năng sử dụng Tiếng Việt để đáp ứng yêu cầu học tập và nghiên cứu ở trình độ thạc sĩ. Nội dung học phần tập trung tăng cường hệ thống từ vựng, nhất là những thuật ngữ trong lĩnh vực giáo dục, rèn luyện các kỹ năng đọc, viết, nói và nghe, trong đó, chú ý việc đọc các tài liệu học thuật, viết các báo cáo nghiên cứu và trình bày, trao đổi, thảo luận về một vấn đề nghiên cứu tự nhiên hoặc xã hội.

8.7. Lịch sử, địa lý, văn hóa Việt Nam (3 tín chỉ)

Học phần giúp người học hiểu được tiến trình lịch sử, đặc điểm thế giới quan và nhân sinh quan của người Việt Nam, đồng thời trang bị cho người học những kiến thức

về vị trí địa lí và lãnh thổ Việt Nam; đặc điểm địa hình, khí hậu, sông ngòi - biển, đất sinh vật, vai trò của tài nguyên thiên nhiên đối với sự phát triển kinh tế xã hội của Việt Nam.

8.8. Phương pháp luận nghiên cứu khoa học Thể dục Thể thao (2 tín chỉ)

Phương pháp luận nghiên cứu khoa học và thể dục thể thao là một lĩnh vực nghiên cứu sâu về lý luận và phương pháp nghiên cứu trong Thể thao ở từng cấp học, được biên soạn theo chương trình đào tạo học viên chuyên ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Giáo dục thể chất. Chương trình nhằm trang bị cho người học những kiến thức chung về khoa học và nghiên cứu khoa học trong GDTC; Những phương pháp luận trong nghiên cứu khoa học trong GDTC.

8.9. Xây dựng và phát triển chương trình Giáo dục thể chất (2 tín chỉ)

Phát triển chương trình và kiểm tra đánh giá trong GDTC là một chuyên đề mới, nhằm cung cấp cho người học cách thức xây dựng chương trình và các khâu trong kiểm tra đánh giá môn học. Nội dung học phần có mối quan hệ trực tiếp các môn chuyên ngành trong chương trình GDTC ở phổ thông.

8.10. Hoạt động thực hành và trải nghiệm thực tế tại nhà trường (2 tín chỉ)

Học phần này giúp cho người học ứng dụng các kiến thức về tâm lí học giáo dục, phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục vào tìm hiểu, phân tích thực tiễn giáo dục nhà trường tại địa phương công tác đồng thời giúp học viên tăng cường các hiểu biết thực tiễn về hoạt động giáo dục tại các nhà trường và nội dung giáo dục địa phương.

8.11. Chương trình, phương pháp và kĩ năng dạy học hiện đại (2 tín chỉ)

Học phần trang bị cho học viên những lí thuyết nền tảng của Lý luận dạy học hiện đại, giới thiệu những tiền đề lí thuyết khoa học và các kĩ năng phát triển chương trình, kĩ năng dạy học và phương pháp dạy học hiện đại hướng vào người học, hoạt động học tập và sự phát triển của người học. Học phần có mối liên hệ chặt chẽ với các học phần trong chuyên ngành đào tạo như: *Xây dựng và phát triển chương trình GDTC; Kiểm tra đánh giá trong GDTC; Lý luận và phương pháp GDTC – Thể thao trường học...*

8.12. Kiểm tra đánh giá trong Giáo dục thể chất (2 tín chỉ)

Học phần trang bị cho người học kiến thức: Cơ sở Lý luận về kiểm tra đánh giá trong giáo dục; quan điểm, nguyên tắc và quy trình về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực; hình thái, phương pháp và công cụ kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực; xử lý và phản hồi kết quả kiểm tra đánh giá kết quả học tập và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực trong môn học GDTC. Học phần có liên quan mật thiết với học phần Đánh giá chất lượng giáo dục thể chất - thể thao trường học trong chương trình đào tạo.

8.13. Hồi phục Thể dục thể thao (2 tín chỉ)

Học phần Hồi phục Thể dục thể thao là một môn khoa học thực hành, trang bị cho người học những kiến thức lý thuyết và kỹ năng ứng dụng các phương pháp hồi phục vào thực tiễn tập luyện TDTT từ đó góp phần nâng cao thành tích thể thao, tăng cường sức khỏe cho người tập. Ngoài ra, học phần còn hình thành năng lực tự hồi phục sau tập luyện và thi đấu để phòng tránh chấn thương, nâng cao sức khỏe cho bản thân nói riêng và cho những người tham gia tập luyện TDTT nói chung; học phần cũng cung cấp những căn cứ lý luận khoa học thực tiễn trong nghiên cứu khoa học và tuyển chọn vận động viên, huấn luyện thể thao phục vụ cho quá trình dạy học GDTC nói chung.

Học phần này có liên quan trực tiếp đến các học phần khác trong chương trình học như: thể dục chữa bệnh, phương pháp luận nghiên cứu khoa học TDTT, tuyển chọn tài năng thể thao, tâm lý học TDTT, huấn luyện thể thao, y sinh học TDTT...

8.14. Tâm lý học Thể dục thể thao (2 tín chỉ)

Học phần trang bị cho người học kiến thức: cơ sở lý luận về tâm lý TDTT, đặc điểm tâm lý của hoạt động thể thao, cơ sở tâm lý của giảng dạy động tác và huấn luyện thể thao, năng khiếu và tài năng thể thao. Vận dụng các kiến thức tâm lý học TDTT trong tập luyện và thi đấu TDTT thông qua đó hình thành kỹ năng, kỹ xảo vận động, cơ sở tâm lý của giảng dạy động tác và huấn luyện thể thao,. Học phần có liên quan mật thiết với học phần giáo dục học TDTT trong chương trình đào tạo.

8.15. Xã hội học Thể dục thể thao (2 tín chỉ)

Học phần trang bị cho người học kiến thức cơ sở lý luận về xã hội học TDTT, đặc điểm thể dục thể thao và xã hội, cấu trúc xã hội của thể dục thể thao, xã hội hoá thể dục thể thao thông qua đó hình thành kỹ năng, kỹ xảo vận động, cơ sở tâm lý của giảng dạy động tác và huấn luyện thể thao. Học phần có liên quan mật thiết với học phần giáo dục học TDTT, kinh tế học TDTT trong chương trình đào tạo.

8.16. Kinh tế học Thể dục thể thao (2 tín chỉ)

Học phần trang bị cho người học kiến thức cơ sở lý luận về kinh tế trong hoạt động tập luyện và thi đấu TDTT thông qua đó hình thành tư duy và nhận thức kinh tế thị trường để phát triển kinh tế TDTT ở nước ta, có năng lực hiểu thị trường - tài trợ và kinh doanh thể thao, năng lực quản lý tài chính trong hoạt động TDTT. Học phần có liên quan mật thiết với học phần xã hội học TDTT trong chương trình đào tạo.

8.17. Quản lý học Thể dục thể thao (2 tín chỉ)

Học phần trang bị những kiến thức cơ bản và cần thiết về khoa học quản lý, quản lý Nhà nước nói chung và quản lý trong hoạt động Thể dục thể thao để góp phần thực hiện mục tiêu đào tạo cán bộ khoa học Thể dục thể thao. Thông qua đó người học ứng dụng kiến thức vào công tác tổ chức và quản lý các hoạt động Thể dục thể thao ở cơ sở và giảng dạy Thể dục thể thao trong trường phổ thông. Học phần có liên quan chặt chẽ

với các học phần quản lý hành chính – văn phòng; quản lý chiến lược TDTT; quản lý, tổ chức thi đấu TDTT trong chương trình đào tạo.

8.18. Tiếp cận năng lực trong phát triển nghề giáo viên (2 tín chỉ)

Học phần trang bị cho người học kiến thức cơ bản và cần thiết về tiếp cận năng lực trong phát triển nghề nghiệp giáo viên. Thông qua học phần người học biết ứng dụng kiến thức được học vào công tác giảng dạy Thể dục thể thao trong trường phổ thông.

8.19. Quản lý và phát triển chương trình giáo dục (2 tín chỉ)

Môn học nghiên cứu những lý thuyết cơ bản về phát triển chương trình. Nội dung cơ bản về lý luận, thực tiễn của việc xây dựng và phát triển các chương trình giáo dục: Các cách tiếp cận về xây dựng phát triển chương trình, các vấn đề về phát triển chương trình giáo dục, chương trình giáo dục nhà trường. Quy trình phát triển chương trình giáo dục bao gồm những bước cụ thể như: Nghiên cứu thị trường lao động; Xây dựng hồ sơ năng lực sinh viên tốt nghiệp; Phân tích, đánh giá chương trình hiện hành, đối chiếu với hồ sơ năng lực và chuẩn đầu ra để xây dựng chương trình khung; Xây dựng chương trình chi tiết; Xây dựng đề cương môn học; Thiết kế đề cương bài giảng; Tổ chức thực hiện và đánh giá chương trình; Hoàn thiện chương trình.

8.20. Y sinh học Thể dục thể thao (3 tín chỉ)

Y sinh học Thể dục thể thao là một môn khoa học ứng dụng những kiến thức y sinh học vào thực tiễn hoạt động dạy học Giáo dục thể chất, tập luyện Thể dục thể thao nhằm nâng cao thành tích thể thao, tăng cường sức khoẻ cho người tập. Ngoài ra, học phần còn giúp học viên có kỹ năng phân biệt các loại doping trong hoạt động TDTT; cung cấp những căn cứ lý luận khoa học biện chứng giúp người học có năng lực sử dụng các phương pháp kiểm tra y học trong nghiên cứu khoa học và tuyển chọn Vận động viên nói riêng, trong công tác dạy học GDTC nói chung.

Học phần này có liên quan trực tiếp đến các học phần khác trong chương trình học như: thể dục chữa bệnh, hồi phục thể dục thể thao, phương pháp luận nghiên cứu khoa học TDTT, tuyển chọn tài năng thể thao, tâm lý học TDTT, lý luận và phương pháp giáo dục thể chất-thể thao trường học...

8.21. Lý luận và phương pháp Giáo dục thể chất - Thể thao trường học (3 tín chỉ)

Lý luận và phương pháp Giáo dục thể chất - Thể thao trường học là một lĩnh vực nghiên cứu sâu về lý luận và phương pháp Giáo dục thể chất và Thể thao ở từng cấp học, được biên soạn theo chương trình đào tạo học viên chuyên ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Giáo dục thể chất.

8.22. Đánh giá chất lượng Giáo dục thể chất - Thể thao trường học (3 tín chỉ)

Học phần trang bị cho người học hệ thống kiến thức nền tảng và hình thành kỹ năng đánh giá chuyên sâu về chất lượng Giáo dục Thể chất - Thể thao trường học, phát triển năng lực phát hiện và giải quyết các vấn đề trong thực tiễn Giáo dục Thể chất - Thể

thao trường học nhằm nâng cao chất lượng. Nội dung chính của chuyên đề gồm các vấn đề cơ bản về: Đánh giá giáo dục, chất lượng giáo dục, đánh giá chương trình giáo dục, đánh giá chất lượng thể chất - thể thao trường học. Học phần có quan hệ chặt chẽ với học phần kiểm tra đánh giá trong Giáo dục Thể chất của chương trình đào tạo.

8.23. Phương pháp tổ chức hoạt động Giáo dục thể chất và Thể thao trường học từ thực tiễn trong nhà trường (3 tín chỉ)

Học phần này giúp cho người học ứng dụng các kiến thức về phương pháp dạy học GDTC trường học, phương pháp tổ chức các hoạt động thể thao vào tìm hiểu, phân tích thực tiễn công tác tổ chức, giảng dạy GDTC và thể thao trong nhà trường tại địa phương công tác. Học phần tập trung vào 02 nội dung chính là vận dụng các phương pháp trong dạy học GDTC và phương pháp tổ chức các hoạt động thể thao vào thực tiễn nhà trường.

8.24. Học thuyết huấn luyện (2 tín chỉ)

Trang bị cho học viên cao học chuyên ngành những tri thức khoa học huấn luyện hiện đại về các quy luật huấn luyện, phương tiện, phương pháp huấn luyện thể lực, kỹ thuật, chiến thuật, đạo đức, tâm lý, ý trí và tri thức cho vận động viên thể thao. Huấn luyện thể thao còn giúp học viên xác định được lượng vận động và lập kế hoạch trong huấn luyện và thi đấu thể thao. Sau khi hoàn thành chương trình học viên có đủ khả năng vận dụng những kiến thức đã học vào thực tiễn nghiên cứu, giảng dạy, huấn luyện và tổ chức thi đấu cho vận động viên; qua đó góp phần nâng cao thành tích thể thao.

8.25. Thể thao giải trí (2 tín chỉ)

Môn học giới thiệu cho học viên những vấn đề lý luận của thể thao giải trí như mối quan hệ giữa Thể dục thể thao và lao động. Vai trò của Thể dục thể thao, cơ cấu thời gian, cơ cấu cuộc sống... đã làm hình thành những vấn đề lý luận của thể thao giải trí như mục tiêu, chức năng, nội dung hoạt động và hình thức tổ chức tập luyện thể thao giải trí.

8.26. Tuyển chọn tài năng thể thao (2 tín chỉ)

Môn học trang bị cho người học những quan điểm, yêu cầu, qui trình tuyển chọn tài năng thể thao, các cơ sở lý luận, các cơ sở y sinh học, các phương pháp kiểm tra đánh giá ban đầu về thể chất của đối tượng được tuyển chọn từ đó phát hiện ra những tố chất phát triển phù hợp với một môn thể thao nào đó nâng cao hiệu quả của công tác phát hiện và bồi dưỡng tài năng thể thao.

8.27. Thể dục chữa bệnh (2 tín chỉ)

Học phần Thể dục chữa bệnh là một quá trình sư phạm, là môn học thực hành, hình thành cho người học phương pháp ứng dụng và thực tiễn điều trị một số bệnh lý không cần dùng thuốc và chăm sóc sức khỏe cho mọi người. Ngoài ra, học phần còn hình thành năng lực tự hồi phục sau tập luyện và thi đấu để phòng tránh chấn thương,

nâng cao sức khỏe cho bản thân nói riêng và cho những người tham gia tập luyện TDDT nói chung; học phần cũng cung cấp những căn cứ khoa học thực tiễn trong nghiên cứu khoa học.

Học phần này có liên hệ mật thiết đến các học phần khác trong chương trình học như: hồi phục thể dục thể thao, phương pháp luận nghiên cứu khoa học TDDT, tuyển chọn tài năng thể thao, tâm lý học TDDT, huấn luyện thể thao, y sinh học TDDT...

8.28. Thể dục thể thao cho mọi người (2 tín chỉ)

Học phần thể dục thể thao cho mọi người nhằm cung cấp những kiến thức cơ bản như các quan điểm chỉ đạo, luật, phương pháp và hình thức tổ chức tập luyện và thi đấu, cơ sở sinh lý của hoạt động thể dục thể thao cho mọi người. Ngoài ra, học phần còn giúp học viên có kỹ năng sử dụng các phương pháp, hình thức tổ chức cũng như cách quản lý và biết cách xây dựng kế hoạch trong hoạt động TDDT cho quần chúng

Học phần này có liên quan trực tiếp đến các học phần khác trong chương trình học như: Quản lý và phát triển chương trình giáo dục, quản lý học TDDT, hồi phục thể dục thể thao, tâm lý học TDDT, lý luận và phương pháp giáo dục thể chất-thể thao trường học...

8.29. Đo lường Thể dục thể thao (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về các đại lượng đo lường cần thiết trong Thể dục thể thao giúp các học viên có thêm công cụ để xử lý số liệu trong nghiên cứu khoa học cũng như trong đánh giá các hoạt động thể dục thể thao nói chung và ứng dụng trong quá trình giảng dạy, huấn luyện Thể dục thể thao nói riêng.

Học phần này có liên quan trực tiếp đến các học phần khác trong chương trình học như: Phương pháp luận nghiên cứu khoa học thể dục thể thao, tốt nghiệp, tuyển chọn tài năng thể thao, đánh giá chất lượng GDTC- Thể thao trường học...

8.30. Thực tập (6 tín chỉ)

Thực tập là hoạt động thực tiễn, trải nghiệm nghề nghiệp bắt buộc đối với học viên, đòi hỏi học viên phải tiến hành vận dụng các kiến thức, kỹ năng về Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Giáo dục Thể chất đã được trang bị trong chương trình đào tạo vào thực tiễn tại các nhà trường hoặc các cơ sở giáo dục và đào tạo.

Trong đó, tập trung vào việc xây dựng và triển khai hiệu quả các nội dung, phương pháp dạy học bộ môn Giáo dục Thể chất; nhận diện, mô tả, phân tích, đánh giá, cải tiến hiệu quả Phương pháp dạy học bộ môn Giáo dục Thể chất trong thực tiễn nhà trường.

Do đặc thù của công tác dạy học bộ môn Giáo dục Thể chất nên người học chủ yếu thực hiện hoạt động thực tập thông qua việc tham gia vào một số khâu thích hợp của phương pháp trong thực tiễn giảng dạy tại các nhà trường hoặc các cơ sở giáo dục và đào tạo.

8.31. Đồ án/Dự án tốt nghiệp (9 tín chỉ)

Đồ án/Dự án tốt nghiệp giúp học viên ứng dụng những kiến thức liên ngành, chuyên ngành Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Giáo dục Thể chất và các kỹ năng nghiên cứu vào tìm hiểu, phát hiện và giải quyết các vấn đề thực tiễn trong quản lý

giáo dục, đồng thời đề xuất và chứng minh tính hiệu quả của các biện pháp đã đề xuất. Kết quả của việc triển khai Đồ án/Dự án tốt nghiệp được thể hiện dưới dạng một bản báo cáo (bản thuyết minh) quá trình xây dựng, triển khai và kết quả triển khai Đồ án/Dự án), đáp ứng các yêu cầu: (i) Đề xuất và kiểm nghiệm được mô hình, biện pháp mới để giải quyết hiệu quả những thách thức trong thực tiễn Quản lý giáo dục; thể hiện năng lực ứng dụng tri thức khoa học vào giải quyết vấn đề của học viên; (ii) Phù hợp với các chuẩn mực về văn hóa, đạo đức và thuần phong mỹ tục của người Việt Nam; (iii) Tuân thủ quy định của Trường về liêm chính học thuật và các quy định hiện hành của pháp luật về sở hữu trí tuệ.

9. Hướng dẫn thực hiện và đảm bảo chất lượng chương trình đào tạo

9.1. Hướng dẫn thực hiện chương trình đào tạo

9.1.1. Nhà trường

- Xây dựng chương trình đào tạo, biên soạn, lựa chọn giáo trình, xây dựng kế hoạch giảng dạy.
- Tổ chức và quản lý quá trình đào tạo theo quy định.
- Công bố công khai trên website của trường: văn bản quy định cụ thể về tuyển sinh, tổ chức đào tạo trình độ thạc sĩ; kế hoạch và chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm, chương trình đào tạo, kế hoạch giảng dạy.

9.1.2. Phòng Đào tạo

- Xây dựng và cập nhật chương trình đào tạo, giáo trình, kế hoạch giảng dạy.
- Phối hợp tổ chức và quản lý quá trình đào tạo theo chương trình đào tạo đã được phê duyệt.
- Phối hợp quản lý việc học tập, việc thi và nghiên cứu của học viên;
- Chủ động đề xuất với trường trong hợp tác đào tạo trình độ thạc sĩ với các cơ sở trong và ngoài nước.

9.1.3. Giảng viên giảng dạy và hướng dẫn

- Thực hiện nghiêm túc, đầy đủ kế hoạch, chương trình đào tạo, các quy định hiện hành của Trường và của nhà nước liên quan đến đào tạo trình độ thạc sĩ.
- Thường xuyên đổi mới phương pháp giảng dạy, nâng cao chất lượng đào tạo, thực hiện tư vấn, giúp đỡ học viên trong học tập và nghiên cứu khoa học.
- Thường xuyên nâng cao trình độ, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ.

9.1.4. Học viên

- Hoàn thành chương trình đào tạo; chấp hành nội quy, quy chế, quy định về đào tạo trình độ thạc sĩ của nhà nước và của Trường.
- Được phản hồi ý kiến với người có thẩm quyền của Trường về chương trình đào tạo.

9.2. Hướng dẫn đảm bảo chất lượng chương trình đào tạo

9.2.1. Rà soát, điều chỉnh thường xuyên chương trình đào tạo

- Chương trình đào tạo được định kỳ rà soát, cập nhật tối thiểu 2 năm một lần và thường xuyên rà soát trong quá trình thực hiện.

- Việc rà soát chương trình đào tạo được thực hiện: căn cứ mức độ đáp ứng các yêu cầu theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam, chuẩn chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học, và các quy định hiện hành khác có liên quan; dựa trên kết quả đánh giá mức độ đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và phản hồi của các bên liên quan.

- Kết quả rà soát chương trình đào tạo được sử dụng để cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo.

9.2.2. Đánh giá tổng thể chương trình đào tạo

Chu kỳ đánh giá tổng thể chương trình đào tạo là 05 năm; quy trình đánh giá tổng thể tương tự với quy trình xây dựng mới chương trình đào tạo.

9.2.3. Công bố chương trình đào tạo

Hiệu trưởng công bố chương trình đào tạo dưới dạng chương trình đào tạo mới hoặc chương trình đào tạo sửa đổi, bổ sung sau khi được đánh giá và cập nhật.

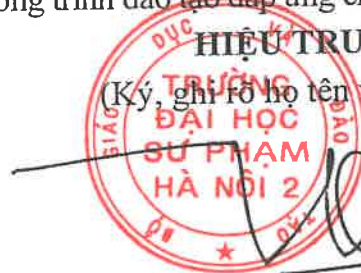
Chương trình đào tạo (gồm Mô tả chương trình đào tạo và 100% đề cương chi tiết các học phần) được công bố công khai để các bên liên quan (cơ quan quản lý, nhà sử dụng lao động, giảng viên, người học, cựu người học,...) có thể tiếp cận dễ dàng và thuận tiện.

9.2.4. Kiểm định chất lượng chương trình đào tạo

Kiểm định chất lượng chương trình đào tạo được thực hiện với quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Trong quy trình kiểm định chất lượng (gồm: tự đánh giá, đánh giá ngoài, công nhận đạt chuẩn chất lượng), chương trình đào tạo được đối sánh với với tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Kết quả tự đánh giá, đánh giá ngoài được sử dụng làm căn cứ xây dựng và triển khai kế hoạch cải tiến, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo đáp ứng chuẩn chất lượng.



(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Nguyễn Quang Huy